

Vinh Biệt Trần Văn Loan

(10/6/1947-12/3/2018)

Phạm Văn Tiền, K20

Trần Văn Loan gia nhập K23 TVBQGVN vào ngày 5-12-1966 lúc vừa tròn 19 tuổi và tốt nghiệp ngày 18-12-1970. Về trình diện Sư Đoàn TQLC, Thiếu Úy Loan là người duy nhất được bổ sung về Tiểu Đoàn 2 TQLC (Trâu Điền). Ở đây, Loan lần lượt giữ các chức vụ: Trung Đội Trưởng, Ban 3 Tiểu Đoàn, Đại Đội Trưởng của Đại Đội 2. Sau cùng, Đại Úy Loan là Đại Đội Trưởng Đại Đội 2, Tiểu Đoàn 5 TQLC.



Cựu Đại Úy Trần Văn Loan, khoảng 2010

Trong cuộc hành quân Lam Sơn 719, khi Tiểu Đoàn 2 Trâu Điền TQLC hành quân sang lãnh thổ Hạ Lào vào ngày 3-3-1971, hầu yểm trợ cho các đơn vị Nhảy Dù và Bộ Binh Sư Đoàn 1 trên đường triệt thoái, Thiếu Úy Loan giữ chức vụ Phụ Tá Ban 3. Trong chiến dịch, Lữ Đoàn 147 TQLC đã được chỉ định trấn giữ căn cứ Delta. Căn cứ này nằm trên một dãy đồi có thể yên ngựa ở độ cao 550m, nơi đặt BCH Lữ Đoàn và các pháo đội 150 & 155 ly cho cuộc hành quân nói trên.

Ngay đêm đầu tiên, khi được “trục thẳng vận” vào căn cứ, BCH Lữ Đoàn 147 và các đơn vị trực thuộc đã bị những trận mưa đạn pháo kích của CSBV từ những mồm đồi đá cao xung quanh. Đại Úy Nguyễn Hoa - K20, Trưởng Ban 3 Tiểu Đoàn 7 TQLC, đã bị tử thương cùng hơn 10 người khác. Tiểu Đoàn 2

TQLC có 4 đại đội trưởng tác chiến thì 2 đã bị thương: Trung Úy Kiều Công Cự - K22 & Đại Úy Nguyễn Kim Thân - K21; cùng với các sĩ quan khác như Trung Úy Bùi Ngọc Dũng - K22, Thiếu Úy Trần Văn Loan - K23,... Tất cả đã được tải thương kịp thời trong chuyến trực thăng đầu tiên mà cũng là chuyến cuối cùng vì hỏa lực quá mạnh của địch bao vây quanh căn cứ. Trung Úy Dũng, vì vết thương quá nặng, đã chết dọc đường.

Lữ Đoàn 147 TQLC có lệnh di tản chiến thuật vào ngày 22-3-1971, khi chưa đầy 1 tháng bị địch ngăn chặn và tấn công tới tấp. Địch có ưu thế về địa hình và chiến xa, trong khi ta chỉ được không quân yểm trợ từ các đơn vị bạn Hoa Kỳ và Pháo Binh tầm xa của ta, từ đỉnh Koroc nơi đặt Bộ Chỉ Huy LĐ 258 TQLC. Vì thế, hai Pháo Đội 150 & 155ly tại BCH Lữ Đoàn 147 bị tê liệt hoàn toàn. Phải trải qua một ngày một đêm băng rừng và nhờ Tiểu Đoàn 3 TQLC đến tiếp viện, Lữ Đoàn mới đến được nơi an toàn.

Tập hợp lại khi về đến Khe Sanh, Đại Đội 5 do tôi chỉ huy chỉ còn vài chục thầy trò. Phải mất hơn tuần lễ sau, những binh sĩ thất lạc mới được các trực thăng Mỹ chở về. Kiểm điểm lại quân số, đại đội của tôi mất đi gần phân nửa. Một hao hụt vô cùng lớn lao! Các đơn vị còn lại cũng có tổn thất tương tự.

Tháng 5 năm 1971, Tiểu Đoàn về lại hậu cứ tái trang bị và thụ huấn 3 tháng tại Trung Tâm Huấn Luyện Vạn Kiếp, Bà Rịa, Vũng Tàu. Lúc này cũng là lúc Loan ra khỏi bệnh viện. Về tới đơn vị, Loan được chỉ định về làm Đại Đội Phó Đại Đội 5 Tiểu Đoàn 2 TQLC. Tháng 12-1971, Loan được thăng cấp Trung Úy thực thụ theo quy chế của trường và được chỉ định Xử Lý Thường Vụ Trưởng Ban 3 Tiểu Đoàn.

Trong trận đánh tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị, Trung Úy Loan giữ chức Trưởng Ban 3 Tiểu Đoàn và sau này là Đại Đội Trưởng Đại Đội 1 Tiểu Đoàn 2 TQLC, một trong những đơn

vị đã góp công lớn vào trận đánh lịch sử này.

Trước giờ ngưng bắn tại mặt trận Cửa Việt, đại đội của Loan, là lực lượng tấn công từ Tây Nam lên Đông Bắc tiếp tay với nỗ lực chính của Tiểu Đoàn 4 TQLC, đã bắt sống nhiều tù binh địch và thu được nhiều vũ khí. Bằng chiến thuật Nhị Thúc Bộ Binh cùng Thiết Kỳ của Thiết Đoàn 20 Chiến Xa, quân ta đã tái chiếm lại Cửa Việt đúng 2 phút trước giờ **“Ngưng Bắn theo Hiệp Định Paris” (7:58 phút sáng ngày 28-1-1973)**. Tôi là người chỉ huy lực lượng TQLC trong trận đánh lịch sử này, trong chức vụ Thiếu Tá ĐDP Tiểu Đoàn 4.

Sau khi ngưng bắn, có lệnh cho các lực lượng địch, đã xâm nhập vào trong vùng đóng quân của ta, đều được trở về phía địch để chuẩn bị ăn Tết; còn tù binh của ta mà chúng đã bắt được trong trận đánh Cửa Việt thì không.

Trung Úy Loan là người hăng say nhất thường xuất hiện hàng ngày trên tuyến đầu, giữa ta và địch. Trung Úy Loan đã bị địch dùng camera quay hình, khi dùng loa phóng thanh kêu gọi “chiêu hồi” (kêu gọi địch về phía VNCH) cán binh Bắc Việt. Đây cũng là lý do Loan đã bị hỏi cung nhiều lần trong những ngày đầu bị địch bắt; khi chúng chiếu phim cho xem lại cảnh sinh hoạt giữa ta và địch nơi giáp tuyến sau ngày ngưng bắn tại khu vực Thôn Bích La và đập Long Quang, tỉnh Quảng Trị.

Tháng 8 năm 1974, Trung Úy Loan được về Saigon lập hồ sơ du học Khóa Căn Bản TQLC tại Hoa Kỳ (Basic School), nhưng khóa học này bị hủy bỏ. Trình diện về Tiểu Đoàn 5 Hắc Long đảm nhận chức vụ Đại Đội Trưởng Đại Đội 2, do Thiếu Tá Đinh Xuân Lâm làm Tiểu Đoàn Trưởng và sau này là Thiếu Tá Phạm Văn Tiền. Tháng 10 năm 1974, Loan được đặc cách lên đại úy vì công vụ.

Do tình hình xáo trộn chung của đất nước và vì nhu cầu đòi hỏi cấp bách của chiến trường lúc này, Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH đã quyết định điều động phần lớn các lực lượng

TQLC về Nam, gồm các LĐ 258, LĐ 369, và LĐ 486 vừa mới được thành lập. Lữ Đoàn 147, do Đại Tá Nguyễn Thế Lương chỉ huy, gồm các Tiểu đoàn 3, 4, 5, 2 Pháo binh, 2 đại đội Viễn Thám và Tiểu Đoàn 7 TQLC thuộc Lực Lượng Đặc Nhiệm Tango, do Đại Tá Tư Lệnh Phó trực tiếp chỉ huy, đang nằm sẵn trên các tuyến.

Thay vào lỗ hổng to lớn trên là 2 đơn vị khác cấp liên đoàn với trang bị quân số thiếu hụt. Đây là khởi điểm cho tất cả sự bỏ ngõ sau này ở mặt trận Bắc Quảng Trị.



Trung Úy Trần Văn Loan, Tiểu Đoàn 2 TQLC, đang hướng dẫn một tù binh Bắc Việt viết thư về thăm gia đình vào dịp Tết, 1972.

Ngày 22/3/75, đoàn xe tiếp tế cuối cùng của đơn vị rời hậu trạm Máng Cá,

Huế vào vùng hành quân. Hầu hết dân chúng đã di tản vào Đà Nẵng và hậu trạm cũng được BTL/Sư Đoàn mang tất cả trang thiết bị về cửa biển Thuận An chờ lệnh. Tôi chỉ thị cho các đại đội thu gọn lại các trang bị và phải gấp rút di tản các thương bệnh binh đi theo chuyến tiếp tế này.

Ngày 23/3/75 vào lúc 3 giờ chiều, sau khi đồng loạt pháo kích dữ dội vào tất cả các vị trí, địch từ thượng lưu sông Bồ, xung phong tấn công vào các tuyến phòng thủ của ĐĐ2/ TĐ5/ TQLC. Vì quá bất ngờ và với lực lượng địch khá mạnh với chiến thuật tiền pháo hậu xung, nên 2 trung đội tận cùng cánh trái của đại đội này bị bung tuyến. Tôi liên lạc với Đại Úy Trần Văn Loan, ĐĐT, và yêu cầu hãy cố gắng gom con cái lại và chỉnh đốn đội hình, đồng thời tôi báo cáo tình hình này về

BCH Lữ-đoàn. Nhưng Loan đã bị thương vào tay vì đạn pháo kích của địch và Trung Úy Lê Bá Khánh, Đại Đội Phó, đã thay Loan chỉ huy.

Đại Tá LĐT ra lệnh là “bằng bất cứ giá nào cũng phải chiếm lại vị trí vừa mất”. Chấp nhận mọi hy sinh thiệt hại, ĐĐ4 của Đại Úy Nguyễn Văn Hai, được tăng cường, đã hoàn tất nhiệm vụ vào lúc 6 giờ sáng ngày 24/3/75. Cũng trong thời gian này, một số đơn vị khác đã bỏ tuyến phòng thủ Bắc Quảng Trị kéo về Huế, nên thị xã Quảng Trị coi như bị bỏ ngõ hoàn toàn. Vì thế, Tiểu đoàn 4 TQLC được điều động về làm nút chặn tại phía Nam cầu An Lỗ. TĐ7 TQLC trấn dọc sông Mỹ Chánh từ cầu Vân Trinh ra biển Đông, phòng tuyến cao nhất phía Bắc của miền Nam.

Lữ Đoàn 147 gồm các Tiểu Đoàn 3, 4, 5, 7, 2 Pháo Binh... và 2 Đại Đội Viễn Thám có lệnh có lệnh di tản về phía Nam cửa biển Thuận An để được tàu vào đón. Vào ngày 26-3-1975, chỉ có duy nhất có một chiếc vào được, để rước BCH-LĐ và các thương bệnh binh. Đại Úy Giang Văn Nhân (K22), Ban 3 Tiểu Đoàn, đã gợi ý cho Loan nên theo chuyến tải thương này, nhưng Đại Úy Loan đã từ chối bảo:

- “Không sao, tôi muốn ở lại cùng đơn vị. Niên trưởng an tâm.”

Sau đó, do áp lực bám sát của địch nên kế hoạch lên tàu bị hủy bỏ, tại phía Nam của biển Thuận An. Hơn 3000 quân TQLC, cùng các đơn vị bạn, đã sớm trở thành tù binh Cộng Sản vào ngày 27-3-1975.

Loan đã bị đưa các trại tù Cồn Tiên, Ái Tử, Tà Con, Rào Đá,... và sau cùng là trại giam Bình Điền, do bọn Công An quản lý giam giữ.

Vào cuối năm 1978, sau gần 3 năm gọi là “học tập cải tạo”, một thời gian dài chịu đựng trong trại tù CS; Trần Văn Loan, Châu Đức Thảo - K19, Mai Đức Hòa - K24; Lê Văn Can - Địa Phương Quân Tiểu Khu Quảng Trị,... đã tổ chức vượt ngục từ

Phân Trại 1 Ái Tử. Sau nhiều tháng trời cất giữ lương thực để chuẩn bị lên đường, các anh đã ra đi trong một đêm giông đầy bão tố. Từ đó, sinh hoạt trại bị đặt trong tình trạng báo động thường xuyên.

Không đầy nửa tháng sau vượt trại, toán của Loan đã bị bắt và đưa ngược về trại khi đã đến được gần biên giới Việt Lào. Tất cả đều bị xiềng chân. Mỗi người bị giam riêng biệt trong một hầm Conex nhỏ lộ thiên giữa trời. Hầm giam này cao không quá 1/2 m, chỉ có ngòi mà không thể đứng. Mỗi ngày, mỗi người chỉ có một bữa ăn trưa và đi vệ sinh một lần. Khi đó, vệ binh luôn có mặt để canh giữ cẩn thận.

Vào tháng 2-1979, tất cả tù binh trại Ái Tử đều được chuyển giao cho công an trại Bình Điền. Toán vượt trại của Loan vẫn bị giam trong nhà giam lớn hơn, tiêu chuẩn ăn uống bị giảm đến mức tối thiểu, để cầm hơi sống qua ngày.

Thời gian này nhờ được gặp thân nhân, nên phần đông bạn tù cũng cố gắng nhường phần ăn của mình lên lút giúp đỡ các anh. Nhằm phản đối chính sách hà khắc cùng sự bội tín của bọn Cộng Sản, tất cả tù nhân Phân Trại 4 Bình Điền đã tổ chức đình công, khai bệnh tập thể. Chúng bắt đi một số người trong ban tổ chức gồm nhiều đơn vị khác nhau, nhưng đa phần là TQLC: Phạm Cang, Lê Quang Liễn, Võ Đăng Phương, Lê Tự Hào, Nguyễn Kim Chung. Bọn công an Bình Trị Thiên đã thẳng tay đánh đập họ dã man. Đó là ngày 20-4-1979, ngày lịch sử đầy máu và nước mắt đáng ghi nhớ. Trong thời gian này, thừa dịp trong lúc điễm danh, Đại Úy Mai Đức Hòa, K24, đã vượt thoát trong màn đêm tăm tối. Chỉ 2 tháng sau, chúng tôi nhận được tin anh đã định cư tại Úc.

Trần Văn Loan vẫn bị kiên giam suốt thời gian, qua nhiều nhà tù khác nhau, nhưng Anh vẫn một lòng giữ vững lập trường của mình không bao giờ khuất phục bọn Cộng Sản. Ở lẫn lộn chung với tù hình sự, “hòa nhưng không đồng”, cùng với tài ăn nói và giữ được tư cách, tác phong của một sĩ quan,

Loan đã thu phục được lòng quý mến của họ. Lúc nhận giấy ra trại về Huế, Loan đã được rất đông nhóm tù trẻ này tiễn đưa... với cả tấm lòng về một người Anh đáng kính.

Ngày 21-1-1987, Trần Văn Loan, Nguyễn Kim Chung - K22, và Phạm Văn Tiên - K20, ra tù, rồi trở về nhà cùng trên một chuyến tàu lửa xuôi Nam, sau 12 năm bị giam giữ. Chỉ gần một năm sau đó, tôi được tin Loan đã vượt biên thành công (tháng 11-1987). Sau thời gian tạm trú tại trại Klongyai (Thái Lan), rồi Phi Luật Tân; cuối cùng anh được định cư tại Hoa Kỳ rất sớm (21-2-1989).

Khi định cư tại Mỹ, Loan đã không bỏ phí thời gian đã mất. Anh đã làm rất nhiều việc thiện, giúp đỡ cho các TPB/TQLC tại quê nhà và luôn là một chiến sĩ xuất sắc trên mặt trận chống lại bọn tà quyền Cộng Sản. Nơi nào có biểu tình chống Cộng Sản là nơi đó có anh. Nguyên là Tổng Thư Ký Ủy Ban Bảo Vệ Chính Nghĩa Quốc Gia Bắc California, Loan đã tổ chức thành công nhiều cuộc xuống đường phản đối sự xâm nhập của các đoàn văn công Cộng Sản...

Loan không những là người chống Cộng Sản hăng say và kiên định nhất đến cuối đời trong cuộc sống độc thân “mình vì mọi người”, mà cũng là người bạn tốt đã bảo trợ hầu hết các bạn cùng khóa của mình được định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1992-1995.

Là một người đa năng, đa tài và năng khiếu về nhạc, nên Loan đã tham gia vào Ban Văn Nghệ Trung Đoàn SVSQ, được phát thanh hàng tuần trên đài phát thanh Đà Lạt, khi đang thụ huấn tại trường Võ Bị. Loan, cũng là người duy nhất trong Khóa 23, đạt được Đề Nghị Đảng Huyện Đại Thái Cực Đạo, từ trong trường.

Trong Ngày Đại Hội Khóa 20, kỷ niệm 50 năm ngày nhập trường vào tháng 9-2013, tại Bắc Cali thành phố San Jose, Loan đã tình nguyện đón tiếp và giúp đỡ tôi, trong những ngày vui qua mau.

Cuối cùng, Trần Văn Loan đã từ trần vào lúc 12 giờ 20 phút trưa ngày 12-3-2018 tại San Jose, California với sự thương tiếc của hơn 400 đồng đội và đồng hương tham dự tiễn đưa Anh. Như trong email của CSVSQ Trương Ngọc Toàn, K20 đã viết:

- “**Khi ra về tôi thấy trong ánh mắt mọi người đều có hai giòng lệ. Đời là vậy, hữu xạ tự nhiên hương mà. Khi sống, Loan giữ đúng tác phong của người trai Võ Bị thì khi lia đời những chàng trai Võ Bị khác sẽ qui tụ về vĩnh biệt Anh.**”

Trong những ngày tháng cuối đời của Loan, chúng tôi vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Với căn bệnh hiểm nghèo, chuyện ra đi của Loan là chuyện chắc chắn sẽ đến. Dù biết như thế, nhưng tôi không khỏi chạnh lòng khi mất đi một người bạn, người em suốt đời gắn bó với mình trên chiến trường, cũng như trong những ngày tù tội.

Cầu mong Loan thanh thản về cõi Vĩnh Hằng. Ai rồi cũng sẽ tới kẻ trước người sau. Bù người tiễn biệt em.

Arlington Texas, ngày 23 tháng 3 năm 2018

KHỐC BẠN TRẦN VĂN LOAN

Hoàng Thạch, K23

Đất nước chìm trong binh lửa
Xếp bút nghiên anh theo nghiệp kiếm cung.
Nhưng mong tiếp bước cha ông báo đền nợ nước.
Khe Sanh, Ái Tử, Cồn Tiên, Dốc Miếu

Hỏi nơi nào còn thiếu bước chân anh
Có những bình minh qua Từ Đàm, Nam Giao
Lên trực thẳng anh tung mình vào vùng lửa đạn...
Anh đã sống hiên ngang, dũng cảm trai thời chiến
Nhưng...
Sự nghiệp đang công đeo đuổi
Vận nước trải cuộc bể dâu...
Trang sử Việt đoạn đành bị bức tử...



Kẻ vui thân lạnh trong lòng đất mẹ
Kẻ ôm hồn rời bỏ nước ra đi...
Bôn ba nơi đất lạ mong ngày về rục sáng

Nhưng than ôi...
Mộng ước và mệnh trời mấy khi cùng lối!
Anh xa đời trong bàng hoàng thương tiếc của người thân.
Hai Năm Tám! Hai Năm Tám! (1)

Của, Chạnh, Loan ra đi, riêng Đình Hùng ở lại.
Mũ Xanh hồi, Mũ Xanh,
Ó Biển, Hắc Long, Trâu Điền
Ngàn thu xin vĩnh biệt

16/03/2018

Ghi Chú (1)

2-5-8: Tên Lữ Đoàn 258 TQLC, mà 4 tân thiếu úy thuộc Khóa 23/ SVSQ, được phân bổ về khi trình diện Bộ Tư Lệnh TQLC.

Bốn thiếu úy đó là Trần Văn Loan, Tiểu Đoàn 2 (Trâu Điền); Hồ Văn Chạnh, Tiểu Đoàn 5 (Hắc Long); Nguyễn Đình Hùng, Lương Văn Của, Tiểu Đoàn 8 (Ó Biển).

Trong đó, Thiếu Úy Của đã hy sinh trong trận Ashao - A Lưới, mùa Hè 1971.



Ngày Về

(Vương Mộng Long, K20)

---0---

Năm 1981, khi tôi còn bị giam trong trại “cải tạo” Z30C Hàm Tân, Thuận- Hải, cứ vào buổi chiều, tôi cùng vài anh bạn tù lại ngồi quây quần bên nhau trên sạp xi măng, nhâm nhi từng ngụm cà phê chế bằng com cháy, ôn lại chuyện đời cho nhau nghe.

Hầu như bữa nào cũng vậy, dù trời tạnh ráo hay mưa bão dầm dề, thế nào chúng tôi cũng được nghe tiếng guitar thánh thót của một nhạc sĩ tay ngang, cựu Thiếu Tá Hồ Văn Hùng, gốc Cảnh- Sát Quốc- Gia và tiếng ca trầm buồn ảo não của chàng ca sĩ ngang xương, cựu Thiếu Úy Nguyễn Văn Vinh gốc Biệt Cách Nhảy Dù.

Chúng tôi mắt nước đã gần chục năm, xa nhà cũng đã gần chục năm, nên những lời buồn thảm, bi ai: “*Tìm đâu những ngày thơ ấu qua...*”- “*Những ngày xưa thân ái, xin trả lại cho ai...*” vừa cất lên, thì người đàn, người hát, người nghe cùng chạnh lòng, nhớ mẹ, nhớ cha, nhớ vợ, nhớ con, nhớ bạn bè, nhớ xóm giềng, và nhớ quê hương. Anh nhạc sĩ Hồ Văn Hùng, xưa kia là Cảnh- Sát tỉnh Hậu- Nghia; nay bị giam cùng buồng, cùng đội lao động với tôi. Anh thuộc nhiều bài hát lắm. Tôi xin anh chép lại cho tôi trọn bộ lời Pháp của bài “*Chanson d’Orphée*”

Anh ta chỉ cần dạo nhạc cho tôi đôi lần, là tôi đã thuộc nhập tâm bài hát này ngay. Trong bài ca ấy, tôi thích nhất câu “*Le ciel a choisi mon pays. Pour faire un nouveau paradis*” (Thượng Đế đã chọn quê hương tôi để dựng lên một Tân Thiên Đường)

Ngày xưa Thượng Đế đã ban cho tôi một Thiên Đường, mà

tôi lại vô tình không nhận ra, đó là đất nước Việt-Nam Cộng-Hòa. Năm 1975 Thiên Đường của tôi đã không còn nữa.

Một năm sau ngày được tha, đầu Thu 1989 tôi gặp lại Hồ Văn Hùng trước một sạp báo cạnh nhà thương Sùng Chính, Chợ- Lớn. Khu này qui tụ khá nhiều dân gốc “Ngụy”: Một sạp báo do anh cựu nhân viên Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tỉnh Báo làm chủ, một thợ hớt tóc là cựu Hải Quân thiếu úy, kế đó là một ông già mài dao, mài kéo, xưa kia làm tới Phó Quận xuất thân từ trường Quốc-Gia Hành-Chánh.

Anh chủ sạp báo là bạn tù tôi quen trong thời gian bị giam giữ ở Z 30 D. Vì làm bạn với anh chủ sạp báo, nên dần dà tôi quen “lây” sang hai ông “Ngụy” kế bên. Lâu lâu tôi ghé chơi, thấy tóc tôi dài, ông Hải Quân lại đề đầu tôi xuống hớt tóc giùm, không lấy đồng bạc nào.

Thấy yên sau xe đạp của Hùng chất đầy sách vở, tôi hỏi anh làm nghề quái quỷ gì mà nhiều sách thế thì anh vênh mặt lên,

- Tớ đi dạy.

- Dạy nhạc hả?

- Nhạc gì?

- Thì nhạc Việt, tân nhạc... hồi còn trong trại tù cậu và thằng Vinh, Biệt Cách hay hát cho tớ nghe...

Hùng xua tay, lắc đầu quày quây,

- Tớ có biết nhạc với nhiếc con mẹ gì đâu? Guitar tớ học lóm, chẳng có thầy bà nào dạy cả! Nhạc lý, nhạc pháp cũng lảng nhàng. Hiện giờ tớ đi dạy Anh Văn!

Tôi nghi ngờ vặn lại,

- Anh Văn của cậu cỡ nào mà dám đi dạy?

Hùng cười hì hì,

- Ôi trời ơi! Sao cậu ngây thơ thế? Bộ suốt đời lính không lúc nào cậu bị ở vào cái thế lang bang, không chức vụ hả? Cứ lang bang không chức vụ là được gọi đi học. Tớ biết khỏi

thằng có đầy bằng cấp chuyên môn chỉ vì lý do không có chức vụ trong đơn vị nên cứ có lớp là bị tổng đi học. Hồi xưa, lúc còn lang bang không chức vụ, tớ có dịp được đề cử theo học một khóa Anh Văn, rồi lại bị đưa đi học tu nghiệp ở Mã-Lai. Năm ngoái ra khỏi tù “cải tạo”, tớ kiếm hoài không ra việc, tưởng là phải chết đói. Ai ngờ gặp đúng lúc đổi đời, nhà nhà học Anh Văn, người người học Anh Văn. Tớ vội ôn lại văn phạm vài ngày là đi dạy kiếm cơm được rồi. Cả khu phố của tớ đều mù, tớ là thằng chột. Xứ mù, thằng chột làm vua! Tớ đếch cần làm vua, chỉ cần gạo thôi...

Tôi không phục cái ngai vàng trên nước mù và chột của người bạn thời đi tù “cải tạo” này, nhưng tôi thích tiếng đàn guitar của anh, thích giọng ca của Nguyễn Văn Vĩnh mà tôi đã được nghe trong những chiều buồn nơi lán trại của Z 30 C, Hàm-Tân năm nào.

Tôi kéo Hùng ngồi xuống bên bàn cờ tướng của ông thợ hớt tóc. Tôi giới thiệu Hùng với hai ông bạn “Ngụy” của tôi. Ông Hải Quân mời Hùng uống trà; ông Đốc Sự cũng xúm vào góp chuyện. Hùng là người Huế, ông Đốc Sự cũng là dân Huế; chỉ vài phút sau hai ông đã ra chiều tương đắc.

Thấy trên tường có treo cây guitar của ông thợ hớt tóc, bên cạnh là cây đàn cò của ông mài dao kéo, giáo sư Hùng gật gù,

- Các cha ở đây có cả Tân, Cổ giao duyên vui quá há?

Nghe Hùng nói, tôi chợt nhớ chuyện xưa, nên cầm tay Hùng tôi khấn khoản yêu cầu anh hát lại khúc “*Những ngày thơ mộng*” của Hoàng Thi Thơ cho tôi nghe.

Chiều ý tôi, ông giáo sư Anh Văn bỏ nón xuống bàn cờ tướng, ông uống cạn ly trà mót câu, ôm cây guitar kê lên đùi, so giây, lấy giọng, rồi bắt đầu: “*Tìm đâu những ngày thơ ấu qua? Tìm đâu những ngày xanh như mộng?...*”

Khi Hùng vừa xuống giọng câu chót: “*Tìm đâu? Biết tìm đâu? Đâu giờ...*” thì anh bắt ngay qua “*Matin, fait lever le soleil...*” (*Buổi sáng, mặt trời lên...*) của bài hát tiếng Tây

“Chanson d’Orphée”

Hứng chí, ông thợ mài dao ôm cây đàn cò “*í!a! í!a!...*” phụ họa, còn ông thợ hớt tóc thì hai tay thủ hai cái giũa sắt múa “*cạch! cạch! cành! cành!...*” trên thành cái chậu nhôm chứa nước như một tay trống điệu luyện, lành nghề.

Người qua đường dừng lại mua báo, khách của bác thợ mài dao, khách của bác thợ hớt tóc đứng ngây nghe các bạn tôi đàn hát. Tiếng hát náo nức, tiếng guitar réo rắt, tiếng trống sắt rộn ràng, và tiếng đàn cò nức nở làm cho lá vàng rơi tới tấp trên đường Trần Hưng Đạo một chiều Thu năm 1989.

Mấy bé con tan trường từ một lớp tiểu học gần đó xì xào với nhau: “*Nhạc vàng, nhạc ngoại, hay quá trời, lại nghe coi tụi bây ơi!*”

Sau khi chấm dứt câu cuối, “*Chante chante mon coeur. La chanson du matin. Dans la joie de la vie qui revient...*” (*Hát lên, hát lên trái tim tôi. Bài hát của buổi mai. Trong niềm vui vừa trở lại...*), thì Hùng chợt hốt hoảng la toáng lên,

- Ủa chi rứa? Bà con làm chi rứa?

Thì ra... bà con qua đường tưởng bốn thằng tôi là gánh hát dạo, họ bỏ tiền vào cái nón của giáo sư Hùng, cái nón nằm ngửa trên bàn!... cái nón đầy tiền loại 20 đồng màu tím tím...

Bốn anh cựu quân, cán, chính, Việt-Nam Cộng-Hòa nhìn nhau, miệng mếu xệch.

Mười bốn năm sau khi Miền Nam sụp đổ, hàng trăm ngàn cựu tù “cải tạo” đã lẫn vào và như đã biến mất trong cái xã hội hỗn mang, hạ cảm thương vàng. Họ chìm vào giòng đời dưới những bộ mã khác nhau: Ông thiếu úy Hải Quân thành ông thợ hớt tóc; ông thiếu tá Cảnh Sát thành ông thầy dạy Anh Văn lưu động; ông Phó Quận Hành Chánh thành ông mài dao kéo; nhưng cái giá trị nhân bản tiềm ẩn trong con người họ vẫn còn đó. Trái tim họ vẫn không ngu quên.

Cũng như trăm ngàn đồng ngũ Việt-Nam Cộng-Hòa khác,

ngày về của tôi cũng là ngày đầu một cuộc sống mới, đầy ngỡ ngàng. Sau đó, tôi cũng từ từ lẫn vào, và biến mất trong giòng chảy của một xã hội hạ cảm, thượng vàng. Tôi bắt đầu xây lại cuộc đời với một chiếc xe đạp thồ.

Cái xe đạp thồ của tôi quả là một con ngựa đa năng, đa dụng. Nó chẳng đòi ăn, đòi uống, nghỉ ngơi, giải trí, truyện trò gì. Tôi chất bất cứ vật gì lên lưng nó, nó cũng im re, không than van nặng nhọc nửa lời. Nó giúp tôi buổi sớm tinh mơ chuyển hàng cho thân chủ từ Chợ-Lớn về Chợ Bến-Thành.



Khi cuộc chiến sắp tàn.

(Trên cầu Xa Lộ Saigon, vào ngày cuối tháng Tư năm 1975.)

Buổi tối, chở hàng từ Cầu Chữ Y sang chỗ bến xe Miền Đông. Trời nắng chang chang, nó chở tôi và một giỏ cá khô từ Sài-Gòn lên Thủ-Đức, len lỏi trong những con hẻm ngoằn ngoèo, để tôi rao bán lẻ từng ký cá khô, tôm khô.

Nó chở vợ chồng tôi từ Sài-Gòn đi Thủ -Đức tới nhà anh bạn Ngô Văn Niều của tôi để họp mặt anh em cùng khóa 20 Võ-Bị chào mừng mười cựu sĩ quan khóa 20 Võ-Bị mới được tha, trong đó có tôi. Dịp này nơi bãi cỏ đậu xe trước sân nhà anh Niều, nó được đứng xếp hàng chung với những chiếc xe Dream, Honda, Vespa của các bạn tôi. Tôi thấy chiếc xe đạp

thô của mình có vẻ “*oai phong*” không kém gì chúng bạn, vì so chiều ngang, chiều dài, nó đâu có kém ai? Nhìn kỹ, tôi thấy nó còn có vẻ “*phong trần bạt mạng*” hơn mấy chiếc xe máy bóng loáng, kiêu sa, yểu điệu, của các ông bạn tôi nữa đó!

Tôi có anh bạn làm trung tá Cảnh Sát. Anh ấy và tôi được tha ra khỏi trại “cải tạo” cùng giờ, cùng ngày. Nhà anh bạn tôi ở gần Thảo Cầm Viên Sài-Gòn.

Mỗi lần tôi ghé thăm nhà anh, vừa thấy mặt tôi, bà mẹ anh đã don đả gọi con,

- Bảo ơi! Có “*Anh Long Xe Thồ*” tới thăm con kia kìa!

Trung Tá Cảnh Sát Phan Trần Bảo, Trưởng Ty Cảnh Sát tỉnh Phan-Thiết là bạn tôi; mấy chục năm sau anh ấy còn nhớ cái tên “*Anh Long Xe Thồ*” mà mẹ anh ta đã đặt cho tôi.

Trước ngày lên đường đi Mỹ định cư, nếu tôi ra khỏi nhà thì thế nào con ngựa thồ của tôi cũng đi theo. Chỉ khi nào tôi lên rừng tìm vàng, đào thiếc, tôi mới chịu để nó ở nhà.

“*Ngựa nào cũng là ngựa, xe nào cũng là xe!*” Vợ tôi thường an ủi tôi như thế, mỗi khi thấy tôi có vẻ áy náy mời nàng dời gót ngọc lên yên sau con ngựa thồ để tôi chở đi đây, đi đó. Nàng lúc nào cũng giản dị bình thường. Có tôi bên cạnh, vợ tôi hết lo âu, nhìn đời lúc nào cũng đẹp. Sau những chuyến đi dài ngày đào thiếc, tìm vàng trên Cao-Nguyên, tôi trở về Sài-Gòn; vợ chồng tôi lại chở nhau trên lưng con ngựa thồ, lang thang rong chơi quanh phố. Đường phố Sài-Gòn thời 1988-1990 thênh thang. Khu Nguyễn Cảnh Chân có nhiều giáo sư của Trường Trung Học Hưng Đạo, nơi đưa con gái thứ nhì của tôi đang theo học. Qua những buổi họp phụ huynh học sinh, cô giáo hướng dẫn lớp con tôi đã quen mặt vợ tôi. Bà cũng biết rõ tôi là sĩ quan Việt-Nam Cộng-Hòa đi tù “cải tạo”.

Chắc chắn hình ảnh chiếc xe đạp thồ của tôi bay lượn trong khu Cao Thắng, Nguyễn Cảnh Chân đã lọt vào những đôi mắt tò mò.

Một hôm, con tôi về nhà sau buổi học, nó cười:

- “*Sáng nay cô giáo hướng dẫn lớp con vừa hỏi con rằng ba của em đã về chưa? Con nói bố em mới về. Lúc đó cô giáo con mới nói cô có thấy một người đàn ông lạ chở má bằng xe đạp đi qua nhà cô.*”

Đời sống riêng tư của những bà vợ trẻ của sĩ quan chế độ cũ luôn luôn là mục tiêu theo dõi dòm ngó của xóm giềng. Những câu hỏi dò la, tọc mạch, chận đầu, bắt nạt như thế không thiếu trong xã hội này. Tôi chạnh nghĩ, qua mười mấy năm dài, xã hội đảo điên dưới chế độ mới, giá trị của nếp xưa Khổng Mạnh cũng còn là chút gì đáng giá cho người ta lưu tâm. Rồi tôi thấy thương vợ vô cùng. Chuyện xe đạp nổ lốp giữa phố đối với cặp uyên ương này là thường xuyên. Lốp xe nổ, thì vợ chồng nắm tay nhau, dắt xe đi bộ, về nhà, vá lốp xe! *Ngựa nào cũng là ngựa, xe nào cũng là xe.*

Ngày xưa mình đi xe Jeep, ngày nay mình đạp xe thồ; ngựa xe nào cũng dùng làm phương tiện di chuyển có gì mà phải kén chọn, quan tâm? Điều quan yếu là: Ngày xưa mình có nhau, ngày nay mình vẫn còn có nhau. Mười ba năm, vật đổi, sao rời, mình còn nguyên vẹn như thế này là quý lắm rồi! Một hôm có người mang đến cho cặp vợ xe mới, mừng ơi là mừng! Anh bạn quý của tôi lúc này đang làm “gác dan” công sau khách sạn Continental. Hắn chắt bóp mãi mới được món tiền mua tặng tôi cặp lốp mới. Hắn tên là Lê Văn Chánh, người Huế. Chánh vốn là một cựu sinh viên Dược Khoa Sài Gòn thời 1960s. Hắn có máu đàn ca và đã có lúc viết nhạc bán cho một nhạc sĩ đã thành danh để có tiền đi phòng trà Anh Vũ mỗi buổi tối. Học hành chật vật mãi vẫn chưa thành Dược Sĩ, hắn bị gọi nhập ngũ Khóa 15 Sĩ Quan Trừ-Bị Thủ-Đức. Rồi hắn trở thành sĩ quan An-Ninh Quân-Đội.

Tôi và Chánh gặp nhau và thân nhau ở Trại Nam-Hà A. Chúng tôi ăn chung mâm, ngủ cùng sạp một thời gian rồi cùng

được thả ra cùng một ngày, sau mười ba năm bị giam giữ, tù đây.

Thời mới đi tù “cải tạo” về, tôi gặp hắn dễ lắm. Cứ đi ngang qua đường Lê Thánh Tôn, tới công sau Khách Sạn Continental là thấy chàng ta ngồi nơi góc.

Những lần về phố, tôi đều ghé thăm Chánh. Gặp nhau, bù khú một lúc, hai đứa lại rủ nhau ra tán dóc với anh thợ vá lốp, sửa xe bên đường Hai Bà Trưng. Anh vá lốp xe máy, sửa xe đạp này thời xưa làm Thiếu Tá Chỉ Huy Trưởng Trung-Tâm Huấn-Luyện Chi-Lăng của Sư Đoàn 1 Bộ Binh, Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa. Anh ta tên là Hoàng Trai, xuất thân khóa 19 Võ-Bị. Ba chàng ngồi bên nhau, chuyện nỏ như pháo. Hai bạn tôi chỉ quanh quẩn ở Sài-Gòn, nên thích nghe tôi kể chuyện đường rừng, mạo hiểm, như chuyện đào vàng, đào thiếc, chuyện bẫy khỉ, giữ lô, chuyện khai thác gỗ quý, săn nai, tìm trầm...

Chánh kể cho tôi nghe rằng, nó có đứa con gái lớn tên là Lê Lâm Quỳnh Như. Cháu Quỳnh Như lớn hơn đứa con gái đầu của tôi một tuổi. Một ngày từ rừng trở về thành phố, tôi nghe bạn Chánh khoe, con gái anh vừa đứng đầu cuộc thi tuyển lựa ca sĩ của Thành Phố Saigon. Phần thưởng mà con anh nhận được là cái dây chuyền 7 chỉ. Chánh nhìn tôi, cười, miệng xuýt xoa: “*Thế là có tiền lo thủ tục hồ sơ đi H.O*”

Sau đó khá lâu, gia đình Lê Văn Chánh đi Mỹ theo danh sách H.O 16. Qua tới Mỹ thì ca sĩ Quỳnh Như đổi tên là Như Quỳnh, danh tiếng nổi như cồn.

Thời gian đầu, khi Chánh còn cư ngụ ở Philadelphia thì tôi và Chánh vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại thăm nhau. Bây giờ thì tình hình đã đổi thay nhiều. Chỉ có tôi và anh Trai là gặp nhau thường, vì hai đứa tôi cùng là cư dân Tiểu Bang Washington. Chúng tôi rất khó tiếp xúc với anh bạn cựu tù Lê Văn Chánh ngày xưa. Nghe đâu, cách đây vài năm, Như Quỳnh mua cho bố Chánh một căn nhà ở Cali, khu

cư xá giống như một Fortress City, có rào cản, có cameras, hệ thống alarms cao cấp, security tuyệt hảo, phone của Chánh lại chuyển số luôn luôn, nên tôi và anh vá lốp xe đạp không truyền trò với anh được. Lâu ngày không nói chuyện với nhau, chắc anh Chánh quên tôi rồi?

Riêng tôi, không bao giờ tôi quên “*Chánh Phăng Si Đa*”, anh bạn tù sốt rét kinh niên cùng buồng 16 ở trại Nam-Hà A Phủ- Lý của tôi. Sở dĩ Chánh có biệt hiệu “*Chánh Phăng Si Đa*” chỉ vì lúc nào trong túi anh cũng dự trữ sẵn một vỉ thuốc sốt rét cực mạnh mang nhãn hiệu Fansidar. Không rõ bạn tôi có hiểu rằng, trong mấy năm nay, anh chàng đào vàng trên rừng Nấp Bắc Đà-Lạt và anh chàng sửa xe đạp trên đường Hai Bà Trưng Sài-Gòn nhớ nhung anh gác gian Khách Sạn Continental không nguôi?

Những sự mất mát nhẹ nhàng như thế, những hình bóng mờ dần vì vô tình hay cố ý như thế, làm cho tôi thấy thương, thấy quý những giây phút bạn bè khăng khít bên nhau. Bây giờ, những sợi tơ thân thiết cột buộc chúng ta cứ mỏng dần, mỏng dần theo thời gian.

Ôi! Biết tìm đâu? Những ngày xưa thân ái! Biết tìm đâu xứ sở mà Thượng Đế đã chọn làm một Thiên Đường? Biết tìm đâu Việt-Nam Cộng-Hòa của tôi?

Seattle tháng Tư năm 2018





Tiểu Đoàn Một Bốn Ghé Qua Cù Lao Ré

Võ Công Tiên, K26

Khoảng sân trường khá rộng trên cát mịn nằm giữa bảy tám căn nhà ngói đủ chỗ tập hợp cho hơn ba trăm người lính. Họ ngồi lặng thinh, chờ đợi một lệnh hành quân mới. Thứ Bảy 29 tháng 3 năm 1975, quá 2 giờ sáng, gió lạnh thổi vi vu, lòng người càng thêm tê tái buồn buồn. Miền biên chỗ nào chả có cát, ngồi bệt thấy khỏe. Trăng trung tuần tháng 2 Âm Lịch lên đẹp, nhưng mờ đi vì khá nhiều mây che chắn.

Khả năng tham chiến của Tiểu Đoàn Một Bốn (TĐ 1/4, Sư Đoàn 2 Bộ Binh) lúc bảy giờ đêm được 318 bao gồm 13 sĩ quan (1 thiếu tá, 1 đại úy, 4 trung úy, 4 thiếu úy, và 3 chuẩn úy). Đầu đàn là Thiếu Tá Bùi Tùng (Năm Tư), các đại đội trưởng gồm Trung Úy Minh, Trung Úy Phúc, Trung Úy Hóa, Thiếu Úy Sang, Đại Úy Cang. Thường Vụ Tiểu Đoàn là Thượng Sĩ Tự.

Đạn dược còn khoảng hai phần ba cấp số, súng thì chỉ đem theo M16, Colt 45, không kể một cây K-54 của Ông 54 - chiến lợi phẩm vừa thu được tại trận Nghĩa Hành 9 tuần trước. Nơi này là Cù Lao Ré, tức đảo Lý Sơn, thuộc tỉnh Quảng Ngãi, cách Đà Nẵng khoảng 130 cây số về hướng Nam Đông Nam, cách Chu Lai 45 cây số về hướng 4 giờ chiều, xa đất liền 11 hải lý.

Ban Mê Thuộc đã mất, Pleiku di tản. Lực lượng Quân Đoàn II tan vỡ từng phần, tháo lui về duyên hải qua Liên Tỉnh Lộ

7B gặp trắc trở. Mùa Xuân 1975 thiếu lễ Đống Đa tại điện Tây Sơn, Bình Định. Khu phố Phú Phong tuy hứng từng tràng pháo địch, vẫn đứng vững nhờ tinh thần chiến đấu dũng mãnh của Sư Đoàn 22 Bộ Binh trên Quốc Lộ 19, chặn đường từ An Khê đến Qui Nhơn.

Tại Quân Khu 1, các lực lượng Thiết Giáp, Nhảy Dù, và Thủy Quân Lục Chiến rời Quảng Trị. Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn I cùng các đơn vị Biệt Động Quân và Sư Đoàn 1 Bộ Binh tuân theo lệnh bỏ Huế, đã rút lui. Sư Đoàn 3 Bộ Binh bỏ khu vực Nông Sơn - Thường Đức về ngăn địch phía Tây thành phố, từ Hải Vân vòng qua Hội An. Thị Xã Đà Nẵng náo động. Quảng Tín thất thủ, và toàn bộ Quảng Ngãi bỏ ngõ. Sau trận thư hùng vào tháng 1/1973 địa danh Sa Huỳnh thôi cô thủ từ đây.

Vắng tiểu đoàn phó (Đại Úy Huỳnh Bửu Hoa dưỡng thương), người thứ hai can dự vào mọi diễn tiến và công tác hành quân của TĐ 1/4 là Trung Úy Sĩ Quan Hành Quân, danh hiệu truyền tin Hăm Bảy (27). Anh thoáng nhớ ngược dòng thời gian về khoảng vài tuần trước:

Một buổi chiều vào trung tuần tháng 3, chuyến bay chở độc nhất một sĩ quan, đạn dược, pin, và gạo sấy thịt hộp từ Căn Cứ Chu Lai đi Bình Sơn, chừng 15 cây số. Trung Sĩ Bốn của Ban 4 Trung Đoàn gom góp mọi thứ để đưa ra hành quân, thở dài trước tình trạng tiếp liệu thiếu hụt theo nhu cầu. Chuyến tiếp tế cho TĐ 1/4, đơn vị vừa bị địch tấn công trong một đêm mưa rào. Trực thăng đáp ngay trên quốc lộ, dưới đất có Đại Úy Nguyễn Đệ (Đông Phương), Trưởng Ban 3 Trung Đoàn 4 Bộ Binh tiếp nhận trong khi pháo của Cộng quân nã rầm trời toàn khu vực quận lỵ.

- Thiếu Úy Tiên, à quên Trung Úy sao về sớm vậy?
- Năm Tư, chờ chuyển ra Tổng Y Viện Duy Tân để mổ, tôi xin nghỉ phép ít ngày và trở ra đơn vị.
- Đại đội của anh đã có Trung Úy Hóa ra thay, thôi giờ anh

coi Ban 3.

Ròng rã 3 ngày liên tiếp, TĐ 1/4 gồm khoảng 340 người càn quét các mục tiêu dọc Quốc Lộ 1 theo hướng Nam Bắc, từ quận Bình Sơn qua quận Lý Tín. Cầu đường, trụ sở xã ấp vẫn còn thừa thớt các lực lượng phòng thủ tại địa phương như Nghĩa Quân, Nhân Dân Tự Vệ. Dân chúng ngưng mọi sinh hoạt mùa màng, quán xá chợ búa vắng vẻ, trường học đóng cửa.

Chiều tối ngày 20/3/1975, TĐ 1/4 được xe GMC chở ra Tam Kỳ, Quảng Tín. Đơn vị án ngữ phía Tây Nam tỉnh lỵ, chừng 8 cây số trên đường đi Tiên Phước. Khoảng 9 giờ đêm, hàng chục quả 130 ly đã rót quanh khu vực đóng quân. Quá khuya, TĐ 1/4 nhận diện từng toán quân bạn rút về, trong đó có một phần Bộ Chỉ Huy (nhẹ) của Trung Đoàn 5. Súng vẫn nổ dẫu đó không xa giữa địch quân và các đơn vị Biệt Động Quân, Địa Phương Quân, Trung Đoàn 5 Bộ Binh.

Trưa hôm sau, TĐ 1/4 bàn giao vị trí cho TĐ 2/4 do Đại Úy Thiện (Thất Sơn) chỉ huy. Đơn vị di chuyển về trạm chốt TĐ 1/6 của Thiếu Tá Trần Bảo phía Nam tỉnh lỵ. TĐ 3/4 của Đại Úy Nguyễn Lợi (Lam Sơn) giữ phi trường. Lúc này, Tiểu Khu Quảng Tín bận rộn, việc phòng thủ Tam Kỳ do Trung Đoàn 4 Bộ Binh dưới quyền Đại Tá Trương Đăng Liêm (Quốc Thái) trách nhiệm.

Ở một vị trí cách xa Đà Nẵng 70 cây số, TĐ 1/4 rải quân vòng cung từ phía Nam sang hướng Tây gồm Đại Đội 2 (ĐĐ 2) của Trung Úy Phúc, ĐĐ 1 do Trung Úy Minh trong các khu làng xóm, ĐĐ 4 của Thiếu Úy Sang và ĐĐ 3 của Trung Úy Hoá bám dọc con đường xe lửa với giải đất có chiều cao 3m. ĐĐ Chỉ Huy đóng ở khu nhà quanh ngọn tháp Chàm. Chiếc cầu sắt trên dòng nước chảy mạnh, cuối phố, từng là hình ảnh tiêu biểu của Quảng Đà thiếu hẳn những tà áo trắng như trên cầu Trảng Tiên xứ Huế.

Khoảng 5 giờ sáng 24 Tháng 3, các ĐĐ 4 và ĐĐ 3 dồn dập

báo cáo:

- *Hăm Bảy, có tiếng xe tăng. Việt Cộng hay bạn?*
- *Năm Tư, tụi nó mò sát gần Thăng 32.*
- *Bạn đâu hướng đó, chơi liền.*

Thế là đủ loại súng thi nhau bắn, lựu đạn và mìn claymore tha hồ nổ. M16A1 dân hướng, AK-47 phụ họa, hỏa tiễn, đại bác hoà âm khá nhịp nhàng. Đụng trận kỳ này ban ngày mà Việt Cộng lại có xe tăng rồn rảng thì không khác gì trận mạc 1972 lúc Trung Đoàn 4 từng tăng phái tới Quảng Trị. Cây súng cối 81 bắn tầm gần, hết đạn với trái sáng bỏ vô nòng sau cùng. Phòng tuyến của hai ĐĐ 3 và ĐĐ 4 thủng sau một giờ giao tranh. ĐĐ Chỉ Huy cầm cự thêm nửa tiếng nữa, rồi băng qua mấy đường mương, lên phía có thể đất cao hơn. Mất tiêu đường xe lửa, thôi đành cố giữ đường xe hơi.



Hướng Tây Bắc, nơi hai tiểu đoàn bạn cũng đang chạm địch, vất vả với các tròng pháo từ rừng núi phía Tây. Thất Sơn, Lam Sơn, Quốc Thái, Đông Phương gọi nhau ới ới, xa dần. Vắng tanh, bầu trời không một chiếc máy bay, không một tiếng pháo binh 105 hay 155 ly quen thuộc. Mất liên lạc với thượng cấp, đơn vị bạn tả hữu, suốt buổi sáng TĐ 1/4 vẫn lo chỉnh đốn lại vị trí, gom con cái về phòng tuyến phía Đông Quốc Lộ 1.

Đơn vị phòng thủ mặt Nam Tây Nam thành phố chỉ có nhiệm vụ ngăn địch bên này con sông Tam Kỳ. Ông phóng

M72 đã tặng hết cho máy chiếc T-54. Chúng khi khà khi khọt
trườn tới de lui, quanh quẩn trong khu xóm gần cầu.

- Hăm Bảy, có 2 chiếc tê-năm-tư bóc khỏi mà chưa qua
cầu, chắc nó sợ mìn.

- Sơ sơ thôi, chứ chưa cháy đâu. Nó nằm lại ngoài này,
đang gờm mình đó.

- Thiếu Tá muốn qua sông mà Đại Đội Ba còn chần chừ,
Hăm Bảy.

- Ông Hóa đâu có khờ, bơi à, mà tìm ai trong phố chớ.

Sư đoàn tan tác, trung đoàn lui binh, tiểu đoàn của Ông
54 bao chốt. Cách nhìn của Ông 54 vẫn giống như trong tình
trạng bình thường quân vụ, có yểm trợ hỏa lực, có tiếp tế tản
thương. Giờ phút này sắp sửa hỗn quân hỗn quan, cảnh tan
hàng, di tản nó khác. Ý của Ông 54 là lội qua sông, vào khu
phố để tử thủ. Ai cũng biết đường sá kín cửa, náo loạn, súng
đạn chĩa còn bao, mìn Quảng hết ráo, lệnh hành quân chẳng
có. Rốt cuộc Ông 54 chịu đối ý và chiều theo thuộc cấp mà
kiếm lối về hậu cứ sư đoàn, cách 25 cây số.

Tiểu Đoàn 1/4 gom được 4 đại đội, là toán quân tiên phong
(ĐĐ 1), trung úng (ĐĐ 3) và hậu yểm (ĐĐ 4) cho đoàn dân
quân phía Nam Quảng Tín di tản về Chu Lai vào Ngày 24
Tháng 3 Năm 1975. Riêng ĐĐ 2 của Trung Úy Nguyễn Hạnh
Phúc (Khóa 24 Đà Lạt) từ sáng sớm đã được lệnh men dọc
quốc lộ, giúp toán Nghĩa Quân giữ cầu gỗ, bưng các chốt bên
đường, gặp kháng cự nặng của địch.

- Tango, bây giờ ra sao ?

- Niên Trưởng bỏ đám cháy đó đi. Mỹ Thể hát tám bảy nhảy
một hai.

Thông thường vài ba điểm gốc trong phóng đồ hành quân của
đơn vị được ghi O, Y, A chẳng hạn, gọi là Hoàng Oanh, Thanh
Thủy, Thái Thanh. Mỹ Thể có vị trí khác các điểm kia, đã định
trước, không vẽ ra thì ai có bản đồ cũng chẳng giải được toạ

độ đó. Lần này vị đàn anh Hạnh Phúc đã nghe lời một đàn em, như hẹn gặp đào ở điểm 417198. Mặt trời dần lên cao, sẽ không còn chuyển xe nhà binh nào của các Chiến Sĩ Cộng Hoà qua lại trên đoạn đường Phú Trung, sau 20 năm chinh chiến.

Những ai không rút về Đà Nẵng thì tình cờ gặp nhau tại bờ biển. Đoàn người kéo dài trên bãi cát tiếp tục đi về hướng Nam. Trung Tá Chế Quang Thảo (Quang Trung), Trung Đoàn Phó Trung Đoàn 4 ngồi trên một chiếc M113. Vài chiếc trực thăng đáp xuống bóc từng nhóm người. TĐ 1/4 vẫn là đơn vị lẻ loi đóng quân đêm bên ngoài căn cứ 7 cây số. Sáng mai còn phải băng ngang một cù lao trải dài thơ mộng, có ngôi trường tiểu học và cô giáo trẻ Thi Hào.

Thứ Ba 25/3/1975, sau một ngày đêm băng làng, vượt vại con lạch và sông Trường Giang, từng toán lính đủ mọi đơn vị, cán bộ và dân chúng địa phương đã nghe thấy nhiều đám cháy, hàng loạt tràng pháo dội vào hàng ngũ những người dân hồi hải bỏ xóm rời thành chạy loạn. Quận Lý Tín mất, khu chợ trời Chu Lai dọc Quốc Lộ 1 dẹp sạch, địch quân tiếp tục pháo lai rai vào Căn Cứ Chu Lai.

Quá trưa, chuyến ghe chót của Duyên Đoàn 15 Hải Quân đã đến đón Ông 54 lướt qua cửa sông thông ra Vũng An Hoà, kéo theo cả các thầy cô giáo và trẻ thơ bỏ hẳn vùng biển Kỳ Hoà sau một trận tranh cãi kể ở người đi. Một chiếc xe jeep với mấy tay súng hộ tống, lách đám đông đưa Ông 54 và Hăm Bảy tới gặp Quốc Thái để bàn tính chuyện xử trí cái bán đảo ra sao.

Căn Cứ Chu Lai này đã một thời qua tay American Division (The 23rd Infantry Divison) khai dựng. Về sau Thiếu Tá Nguyễn Văn Lành đã xoay cái cửa chính của Bộ Tư Lệnh ngược 180 độ. Không rõ nó may rủi hay ứng nghiệm vào vận nước thế nào. Căn cứ có phi trường, Đại Lộ Sa Huỳnh 73, và vận động trường lộ thiên trong một thung lũng mang tên Bình

Long Anh Dũng. Giờ đây Chuẩn Tướng Trần Văn Nhứt, Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh ra lệnh cho Ông Quốc Thái trách nhiệm phòng thủ, sớm muộn nay mai sẽ giao hết cho Ông 54 chịu trận.

Tiểu Đoàn 1/4 là đơn vị duy nhất ứng chiến cho toàn căn cứ suốt một ngày đêm, đóng quân trong khu gia binh trống vắng cách trung tâm hành quân sư đoàn nửa cây số. Đưa ĐĐ 2 của Hạnh Phúc (Hai Mươi) ra giữ Cổng Chu Lai chứ còn ai nữa đây. Lúc biến mới biết mặt hiền. Khoảng 9 giờ tối mà lội ngược ra ngoài 5 cây số để trấn thủ lưu đồn, điều này gọi là thi hành quân lệnh. Và 60 tay súng dưới quyền của Hạnh Phúc đã giữ cổng đàng hoàng, để bảo vệ hơn mấy ngàn người bên trong căn cứ.

Chưa tới nửa đêm, trực thăng chuyển chót đã chở cấp lớn lên trời, cấp nhỏ hơn và đám tùy tùng đã ra khơi. Kế hoạch bốc quân do các tàu Hải Quân đảm nhiệm liên tục thay đổi theo cơn sóng nước, bãi ỉ. Một số người chạy lẹ bằng xe jeep, dodge, hay thiết vận xa M113, đã bị thương hoặc mất tích vì bon chen leo lên chiếc Dương Vận Hạm Nha Trang HQ 505.

Rạng sáng 26/3/1975, Hăm Bảy ngưng hẳn liên lạc với Giáo Hồng (Trung Đoàn 4) hay Hợp Đoàn (Sư Đoàn 2). Ông 54 lại không ra lệnh cho Hạnh Phúc trở vào dù việc giữ cổng kể như đã xong. Chỉ có câu chuyện Café Tùng nào đó trên tân số riêng giữa Hai Mươi và Hăm Bảy. Chờ ĐĐ 2 vào, đơn vị gom đủ, đi chót ra bến cảng, chen chân vài cây số mà nơi đó đang đông nghẹt người. Có thể nói TĐ 1/4 là cánh quân còn nề nếp đơn vị, giữ đúng kỷ luật quân đội dù trong tình thế hỗn loạn khó lường.

Đón quân dân tại Chu Lai, chiếc thứ hai Hải Vận Hạm Hương Giang HQ 404 trực chỉ Biển Đông theo hướng Đông Nam. Không phải đến Hoàng Sa hay Trường Sa. Họ chỉ tạm rời bỏ những vùng đất quen thuộc có núi đồi đất đỏ và những bìa rừng thấm ướt máu của biết bao đồng đội. Toàn thể

lính thuộc Sư Đoàn 2 Bộ Binh được đổ xuống Cù Lao Ré, các đơn vị khác và dân ở lại tàu đi tiếp, ra Đà Nẵng hay vào Cam Ranh. Tại đảo, Trung Đoàn 4 còn khoảng 900 người, Sư Đoàn 2 ước lượng chưa tới ba ngàn quân.

Hăm Bảy và một phần tư quân số của ĐĐ 1/4 chưa kịp lãnh lương tháng Ba. Dù thiếu thực phẩm và đạn dược, mọi công tác canh phòng theo sườn núi mặt Bắc của đảo, tái phối trí đơn vị vẫn chu toàn trong tình huynh đệ chi binh. Bận rộn nhất là Trung Sĩ Nhất Bùi Bông Thường Vụ Đại Đội Chỉ Huy, Trung Sĩ Trần Tân Phụ Tá Ban 3, Hạ Sĩ Hương và năm ba anh em trong toán truyền tin liên lạc thắm đầy tình nghĩa.

Dòng hồi tưởng quá nhanh hay Ông 54 và toán lính nhỏ đi họp khuya đã lẹ chân trở về. Năm Tư chậm rãi ban lệnh hành quân mới như sau:

- Sẽ có tàu Hải Quân đến bốc chiều nay, hai mươi chín tháng ba để vô Nam. Ai không đi thì ở lại, về lo gia đình. Trung Đoàn 4 lên tàu sau hết, và tiểu đoàn mình cùng một toán nhỏ Trinh Sát 4 đi ghe chót.

Tựa như các chuyến di cư 1954 của người dân Miền Bắc, quả thật ĐĐ 1/4 đã rời xa Chu Lai, ghé qua Cù Lao Ré. Ba ngày trên vùng đất vốn là một quần đảo được hình thành từ núi lửa, xem như đơn vị đi du ngoạn Chùa Hang. Còn đâu Núi Dâu, Sa Huỳnh, Đồi 415, Quế Sơn, Nghĩa Hành, Đồi 185, Căn Cứ Liz, Tam Kỳ, Bronco với Phòng Đọc Sách Trung Sĩ Nguyễn Hương và Kỳ Đài Đại Úy Trương Công Đảnh.

Anh Bằng 2 (Trung Sĩ Nguyễn Văn Bằng, Thư Ký Hành Quân ĐĐ 4, tác giả bản nhạc Mảnh Lụa Dạn Trong Mắt Em), Y Tá Trung Sĩ Phạm Sô và nhóm Nhà Bếp lại cất lên một loạt bài hát tài tử. Màn hợp ca cũng đúng giai điệu, thánh thót như mọi khi chuyên quân lên Căn Cứ Ross, hay thả bộ xuống đồi từ cao điểm 407 Chóp Chài của vùng đồi núi Đức Dục - Quế Sơn.

Ngoại trừ một anh lính có vợ sắp sanh, tất cả đều hăm hờ

lên tàu vào Nam. Hạ Sĩ Nhất Thạch Kê thắc mắc sao anh em đánh trận tận lực suốt mấy năm dài mà đất nước vẫn chưa có hoà bình.

Kẻ thương tật, người thấm mệt, mãi tiếp tục giữ vững tay súng, ba lô tưởng chừng chất nặng một lối đất đá quê hương. Một trong 105 tiểu đoàn tác chiến thuộc 35 trung đoàn của 11 sư đoàn bộ binh QLVNCH, Tiểu Đoàn 1/4 từng trải qua những chặng đường gian khổ của người lính chiến.

Những tiếng khóc thầm đêm nay có vẻ chí tình và chân thật. Mấy anh lính quê Saigon chuyển này có phép khỏi cần giấy tờ xuất viện, hay sự vụ lệnh gì cả. Vài cơn gió thoảng làm rung cái nón bo của Hạnh Phúc. Vị niên trưởng này mỉm cười với phong cách dễ dãi và ba gai có sẵn, ngắm nhìn toán lính vẫn theo mãi bên người như tình nhân./.

